



bàn àn

办案

verb phrase · handle a case

Example Sentences

jǐng chá zhèng zài quán lì bàn àn
警察正在全力办案。

The police are handling the case with full effort.

zhè wèi zhēn tàn bàn àn jīng yàn fēi cháng fēng fù
这位侦探办案经验非常丰富。

This detective has very rich experience in handling cases.

Trace each character, then write the word on your own.

办	办	办	办	办	办	办								
案	案	案	案	案	案	案	案	案	案	案				
案	案													